Hệ điều hành mã nguồn mở

GV: Ths. Lê Ngọc Kim Khánh

Lập trình Shell nâng cao

- Lists
- Hàm (function)
- Build-in Command
- Mång
- Xử lý trên file

 Kết nối các lệnh lại với nhau thực hiện kiểm tra trước khi đưa ra một quyết định nào đó

- AND
- OR

♥ AND (&&)

- Thực thi chuỗi lệnh kề nhau, lệnh sau chỉ thực hiện khi lệnh trước đã thực thi và trả về kết quả thành công
- Cú pháp: Statement1 && Statement2 &&... && Statementn
- Kết quả AND trả về true nếu tất cả các Statement đều được thực thi.

● AND (&&)

```
#!/bin/sh

touch file_one
rm -f file_two

if [ -f file_one ] && echo "hello" && [ -f file_two ] && echo
"there"
    then
        echo -e "in if"
    else
        echo -e "in else"
    fi
    exit 0
```

Kết quả:

hello in else

OR (||)

- Thực thi chuỗi lệnh kề nhau, nhưng nếu có một lệnh trả về true thì việc thực thi ngừng lại (lệnh sau chỉ thực hiện khi lệnh trước là false)
- Cú pháp: Statement1 //
 Statement2 //... // Statementn
- Kết quả OR trả về true nếu một trong các Statement trả về true

OR (||)

```
#!/bin/sh
rm -f file_one
if [ -f file_one ] || echo "hello" || echo "there"
then
        echo "in if"
else
        echo "in else"
fi
exit 0
```

Kết quả: hello in if

♥ VD khác:

Hàm (function)

```
Cu phap:
    function name {
        statement
    }
hay
    name () {
        statement
    }
```

♥ VD:

```
#!/bin/sh
foo() {
    echo "Function foo is executing"
)
echo "script starting"
foo
echo "script ended"
exit 0
```

Hàm (function)

Trả về giá trị số:

```
foo() {
...
return 0
}
x=$ ( foo )
```

Trả về giá trị chuỗi:

break

```
#!/bin/sh
rm -rf fred*
echo > fredl
echo > fred2
mkdir fred3
echo > fred4
for file in fred*
do
  if [ -d "$file" ]; then
   break;
  fi
done
echo first directory fred was $file
exit 0
```

continue

```
#!/bin/sh
rm -rf fred*
echo > fred1
echo > fred2
mkdir fred3
echo > fred4
for file in fred*
do
  if [ -d "$file" ]; then
   continue
  echo file is $file
done
exit 0
```

Null command

- Lệnh : được gọi là lệnh rỗng (null command)
- Lệnh được dùng với ý nghĩa logic là true

```
rm -f fred
if [ -f fred ]; then
   :
else
   echo file fred does not exist
fi
exit 0
```

→ Nếu **fred** tồn tại không làm gì, ngược lại in thông báo lỗi

eval

Ước lượng một biểu thức chứa biến

```
foo=10
x=foo
y= '$' $x
echo $y
```

→ \$foo

```
foo=10
x=foo
eval y= '$' $x
echo $y
```

 \rightarrow 10

exec

 Lệnh dùng để gọi một lệnh bên ngoài khác

```
#! /bin/sh
echo "Try to execute mc program"
exec mc
echo "you can not see this message !"
```

expr

 Lệnh dùng để tính giá trị của biểu thức, được dùng để tính toán biểu thức khi đổi từ chuỗi sang số

```
x = "12"

x = 'expr $x + 1'
```

- X=\$((\$x+1))
- \rightarrow 13

Lấy về kết quả của một lệnh

```
#!/bin/sh
echo Current directory is $PWD
echo It contents $(ls -a) files
exit 0
```

Mảng

- Khai báo mảng:
 - declare a[5]=(4 -1 2 66 10)
 - a=(mot hai ba bon nam sau bay tam chin muoi "muoi mot" "muoi hai")
- Lây số phần tử của mảng
 - n=\${#a[@]}
- Lấy giá trị phần tử \$i của mảng
 - v=\${a[\$i]}
- - a[\$i]=1

```
awk: xử lý chuỗi
   $ awk '{ print $1 }' /etc/passwd
   $ awk '{ print "" }' /etc/passwd
   $ awk '{ print "hiya" }' /etc/passwd
   $ awk -F":" '{ print $1 $3 }' /etc/passwd
   $ awk -F":" '{ print "username: " $1 "\t\tuid:"
```

\$3" }' /etc/passwd

awk:

- Ký tự đặc biệt
 - ✓FS: ký tự phân cách cột
 - ✓ RS: ký tự phân cách dòng
 - ✓NR: tổng số dòng có trong file

<u>VD:</u>

```
User.sh
```

```
while read line
  do
    data=`echo $line | awk 'BEGIN{FS="-"}{print $1}'`
    if [ "$data" = "ABC" ]
    then
            echo $line > tmp
            found=`cut -d- -f2 $tmp`
            break
    fi
done < user.txt
```

user.txt

ABC-Nguyen Van A
DEF-Le Thi B
XYZ-Tran Van C

